TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 202/2025/HS-ST
Ngày: 24-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thụ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hồng Hương

Bà Trần Thị Ngọc Hương

Bà Lê Thị Nhanh

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Út – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1881/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Đỗ Kim Minh T; Sinh ngày 21 tháng 01 năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: X Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Ấp L, xã L, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Hùng S1 và bà Cao Thị Kim P; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 31/10/2023 – Có mặt.

Người bào chữa:

Ông Huỳnh Trọng N là luật sư của Văn phòng luật sư Chung Vinh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Đỗ Kim Minh T – Có mặt.

Bị hại:

Ông Hà S, sinh năm 1984; Trú tại: X Tân Phước, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Kim Minh T và ông Hà S quen biết nhau từ năm 2016 do cùng công tác tại Trung tâm bồi dưỡng văn hóa Kim Long tại Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình quen biết, T đưa ra thông tin gian dối như cần tiền để mua nhà, hứa bán các căn nhà số Y, số Z Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú và lô đất nền tại khu dân cư Đại Dương đường Hùng Vương, huyện Tân An, tỉnh Long An để chiếm đoạt tiền của ông S. Tin tưởng T nên ông S đồng ý chuyển tiền đặt cọc mua nhà, đất mà T đưa ra. Từ tháng 12/2020 đến tháng 01/2022, ông S đã nhiều lần chuyển tiền cho T và bị T bị chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Khoảng tháng 10/2020, T đề nghị bán cho ông Hà S căn nhà số Y Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú với giá 1.900.000.000 đồng, T cho ông S biết căn nhà này do bà Cao Thị Kim Phụng (mẹ ruột của T) đứng tên. Để tạo lòng tin với ông S, T đã tạo lập tài khoản Zalo giả bà Cao Thị Kim Phụng (mẹ của T) nhắn tin với ông S với nội dung bà Phụng đồng ý bán căn nhà cho ông S. Ông S tin tưởng đồng ý mua nhà và chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản số 060137515XXX của T mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) với tổng số tiền là 92.000.000 đồng.

Đến cuối tháng 10/2020, T nói với ông S là căn nhà nêu trên xảy ra tranh chấp quyền thừa kế giữa cha, mẹ nên T đề nghị ông S chuyển số tiền đặt cọc mua căn nhà số Y Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú sang đặt cọc mua lại căn nhà số Z Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú với giá 1.100.000.0000 đồng. T cho ông S biết căn nhà trên chưa làm giấy tờ mua bán. Để tạo lòng tin với ông S là T có nhà, T lên mạng Internet tải các hình ảnh, mộc dấu, chữ ký và các văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Tòa án nhân dân, Giấy ủy quyền cho Luật sư rồi tự chỉnh sửa nội dung các văn bản về việc cơ quan chức năng chậm làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến căn nhà số Z Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú rồi gửi qua Zalo cho ông S làm cho ông S tin tưởng. Từ cuối tháng 10/2020 đến đầu tháng 7/2021, ông S nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản số 060137515XXX của T mở tại Ngân hàng Sacombank để đặt cọc mua căn nhà số Z Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú với tổng cộng số tiền 475.000.000 đồng.

Đến tháng 01/2022, do muốn tiếp tục chiếm đoạt tiền của ông S nên T lên mạng Internet lấy thông tin dự án khu dân cư Đại Dương, đường Hùng Vương, huyện Tân An, tỉnh Long An, rồi T nói với ông S biết căn nhà số Z Hòa Bình phường Hiệp Tân, quận Tân Phú không làm được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nên đề nghị ông S mua lại lô đất tại khu dân cư Đại Dương, đường Hùng Vương, huyện Tân An, tỉnh Long An do T đứng tên (hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thất lạc) để cấn trừ vào số tiền mà ông S đã đặt cọc mua căn nhà số Z Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú. Để tạo lòng tin với ông S, T đã dùng phần mềm cắt ghép ảnh làm giả đơn trình báo gửi Công an Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh về việc bị mất Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất rồi gửi qua Zalo cho ông S. Ông S tin tưởng và đồng ý mua lô đất trên với giá 1.000.000.000 đồng. Ngày 21/01/2022, ông S đã chuyển số tiền 84.000.000 đồng cho T để đặt cọc mua lô đất trên.

Ngày 24/01/2022, ông S đến Công an Phường 11, Quận 5 tìm hiểu về việc T trình báo bị mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện không có sự việc trên nên ông S làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền Đỗ Kim Minh T chiếm đoạt của ông Hà S là 651.000.000 đồng.

Xác minh tại Văn phòng Đăng ký đất đai quận Tân Phú, kết quả như sau:

"Căn nhà Y Hòa Bình (số mới 237/47 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú. Hiện nhà, đất do ông Nguyễn Hữu Tín, bà Nguyễn Thị Kim Thoa sở hữu, sử dụng".

*"Căn nhà Z Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú: Hiện nay, Chi nhánh Tân Phú chưa tìm thấy dữ liệu hồ sơ cấp giấy chứng nhận của căn nhà trên" (*bút lục số 48*).*

Tại Bản kết luận giám định số 2882/KL-KTHS ngày 03/5/2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định đối với 01 điện thoại Iphone 6S; số sê-ri: FK2Q976UGRYD; Imel: 353270072204052: *Trích xuất được 12,4 GB dữ liệu bao gồm hình ảnh, tập tin video, danh sách cuộc gọi đến, cuộc gọi đi, tin nhắn và tin nhắn trên các ứng dụng như: Zalo, Facebook, Messenger, Google Ảnh được lưu trữ trong điện thoại di động cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1). Dữ liệu trích xuất được thể hiện chi tiết trong thiết bị lưu trữ gửi đính kèm* (bút lục số 58).

Quá trình điều tra, Đỗ Kim Minh T đã trả cho ông S số tiền 253.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông S còn khai đã cho T mượn tiền nhiều lần tổng cộng 194.000.000 đồng, T đã trả cho ông S số tiền 164.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng chưa trả. Qua điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định đây là quan hệ dân sự.

Tại Bản cáo trạng số: 106/CT-VKS-P2 ngày 11 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đỗ Kim Minh T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản " theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đỗ Kim Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

- Bị hại Hà S có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, đồng thời đề nghị buộc bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 398.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả của tội phạm mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Đỗ Kim Minh T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đỗ Kim Minh T từ 13 năm đến 15 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về dân sự, xử lý vật chứng, án phí và các vấn đề khác đề nghị xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Luật sư Huỳnh Trọng Nghĩa bào chữa cho bị cáo Đỗ Kim Minh T trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt mà viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo là nghiêm khắc. Bởi, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đã cố gắng khắc phục thiệt hại số tiền 253 triệu đồng; quá trình điều tra, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

- Bị cáo Đỗ Kim Minh T đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư và bào chữa bổ sung: Bị cáo thực hiện chuỗi hành vi phạm tội, chỉ chuyển cọc từ tài sản này sang tài sản khác nên đề nghị xem xét lại tình tiết phạm tội nhiều lần và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp quan điểm bào chữa của luật sư và bị cáo: Đối với các tình tiết giảm nhẹ mà luật sư trình bày đã được Viện kiểm sát ghi nhận và đánh giá khi lượng mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng "phạm tội từ 02 lần trở lên", do bị cáo nhiều lần đưa thông tin gian dối cho bị hại về 03 tài sản để bị hại tin tưởng nhiều lần chuyển tiền đặt cọc cho bị cáo, mỗi lần chuyển tiền đều trên mức khởi điểm quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội từ 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, bị hại đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Qua thẩm tra xét hỏi và tranh luận tại phiên toà, bị cáo Đỗ Kim Minh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại; biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật; phù hợp với nội dung Kết luận giám định số 2882/KL-KTHS ngày 03/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, dữ liệu điện tử tin nhắn trao đổi giữa bị cáo và bị hại qua ứng dụng Zalo; dữ liệu trích xuất từ ứng dựng Google ảnh trên điện thoại của bị cáo; kết quả sao kê tài khoản ngân hàng của bị cáo, bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Lợi dụng mối quan hệ quen biết và đã vay mượn tiền từ trước với ông Hà S nên Đỗ Kim Minh T nảy sinh ý định cung cấp thông tin gian dối về việc T đang có nhiều bất động sản để ông S tin tưởng, chuyển tiền đặt cọc mua các bất động sản của T, sau đó chiếm đoạt. Theo đó, từ tháng 10/2020 đến tháng 01/2022, T đã đưa ra thông tin gian dối như cần tiền để mua nhà, hứa bán các căn nhà số Y và số 37/32/6 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Lô đất nền tại khu dân cư Đại Dương đường Hùng Vương, huyện Tân An, tỉnh Long An cho ông S. Đồng thời, để ông S tin tưởng, T đã tự tạo tài khoản Zalo của mẹ bị cáo nhắn tin với ông S về việc đồng ý bán căn nhà Y Hòa Bình. Sau đó, T đã lên mạng Internet tải các văn bản và hình ảnh con dấu, chữ ký của các cơ quan chức năng, rồi tự soạn thảo các văn bản với nội dung tài liệu thể hiện việc cơ quan chức năng chậm làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến căn nhà số Z Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, đơn trình báo gửi Công an ở Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh về việc bị mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất tại Long An. Sau đó, chỉnh sửa ảnh trên điện thoại bằng cách ghép hình ảnh các con dấu và chữ ký của các cơ quan chức năng vào văn bản mà T soạn thảo, rồi chụp lại các tài liệu này và gửi cho ông S qua ứng dụng Zalo. Do tin tưởng T, ông S đã nhiều lần chuyển tiền tổng số tiền 651.000.000 đồng đặt cọc mua nhà, đất cho T qua tài khoản 060137515XXX mở tại Ngân hàng Sacombank. Toàn bộ số tiền nêu trên T chiếm đoạt rồi sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra vụ án, T đã hoàn trả cho ông S số tiền 253.000.000 đồng và hiện còn chiếm đoạt số tiền 398.000.000 đồng.

[2.2] Như vậy, với diễn biến hành vi khách quan và hậu quả của tội phạm nêu trên đã đủ căn cứ kết tội bị cáo Đỗ Kim Minh T phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 174 của Bộ luật

Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an xã hội. Bị cáo là trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo không sở hữu bất kỳ bất động sản nào nhưng đã cố ý cung cấp thông tin gian dối để bị hại tin tưởng, chuyển tiền đặt cọc mua nhà, đất cho bị cáo rồi chiếm đoạt tổng số tiền 651.000.000 đồng, thuộc trường hợp *"chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên"*. Do đó, cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến vai trò đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo cung cấp thông tin gian dối về việc đang chuyển nhượng, đứng tên 03 bất động sản để bị hại S nhiều lần chuyển tiền đặt cọc rồi bị cáo chiếm đoạt trong thời gian dài nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội từ 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho bị hại số tiền 253.000.000 đồng nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là người có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù trong khung hình phạt đối cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Lập luận trên đây cũng là căn cứ chấp nhận một phần quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, cũng như đề nghị của luật sư về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đã trình bày tại phiên tòa.

[9] Về biện pháp tư pháp và bồi thường thiệt hại:

[9.1] Quá trình điều tra, bị hại đề nghị bị cáo hoàn trả số tiền 398.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi trên số tiền chưa bồi thường theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền chiếm đoạt. Xét đây là thỏa thuận tự nguyện giữa bị cáo với bị hại và thỏa thuận trên không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 398.000.000 đồng.

[9.2] Đối với yêu cầu về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy, do đây là vụ án hình sự số tiền 398.000.000 đồng được xác định là tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại, nên căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không có sơ sở để tính lãi suất đối với số tiền chiếm đoạt còn lại nêu trên.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S thu giữ của bị cáo Đỗ Kim Minh T là phương tiện bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với các vấn đề khác:

[11.1] Đối với hành vi của Đỗ Kim Minh T cắt ghép hình ảnh tài liệu, văn bản, con dấu, chữ ký của các Cơ quan chức năng, rồi sử dụng phần mềm chỉnh sửa ảnh trên điện thoại di động để ghép các con dấu và chữ ký vào văn bản do T tự soạn thảo sau đó gửi cho ông Hà S qua ứng dụng Zalo để tạo lòng tin. Xét đây là thủ đoạn gian dối của T nhằm tạo lòng tin để chiếm đoạt tài sản của bị hại S. Các tài liệu trích xuất từ tài khoản Google của T, với tên đăng nhập: minhthuy212718@gmail.com, mật khẩu: haS270884, không đủ cơ sở để trung cầu giám định. Do đó, Cơ quan tiến hành tố tụng không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với T về hành vi "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

[11.2] Ngoài ra, quá trình điều tra ông Hà S còn khai đã cho T mượn tiền nhiều lần tổng cộng 194.000.000 đồng, T đã trả cho ông S số tiền 164.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng chưa trả. Quá trình điều tra xác định đây là quan hệ giao dịch dân sự giữa T và ông S, không thuộc giới hạn xét xử của vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Đỗ Kim Minh T** 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2023.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015,

Buộc bị cáo Đỗ Kim Minh T bồi thường cho bị hại Hà S số tiền 398.000.0000 (ba trăm chín mươi tám triệu) đồng.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số seri FK2Q976UGRYD, Imei: 353270072204052 (thực nhận 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, Model A1688, không kiểm tra đời máy, Imei, seri do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong*). (Theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2025/247 ngày 10/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).*

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 19.900.000 (mười chín triệu chín trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường cho bị hại thì hằng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS TP. HCM; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Cơ quan điều tra; (1)
- Trại tạm giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (2)
- THA HS; (1)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Giang

2025HSST40730 1 000030 793117 31.03.2025 11:11
Đỗ Kim Minh Thủy